



你叫什么名字?

7

Nǐ jiào shén me míng zì?

¿Cuál es tu nombre?

我叫宝宝

Wǒ jiào bǎo bǎo

Mi nombre es BaoBao

什么

shénme
qué



叫

jiào
llamar



名字

míngzì
nombre



横折

Héng zhé

Pliegue horizontal (parte de caracter)

你

Nǐ
Tú



我

wǒ
Yo



介绍自己

Jiè shào zì jǐ
Preséntate



小兔乖乖

Xiǎo tù guāi
Conejito bueno



你叫什么名字?

7

Nǐ jiào shén me míng zì?

What's your name?

我叫宝宝

Wǒ jiào bǎo bǎo

My name is BaoBao

什么

shénme

What



叫

jiào

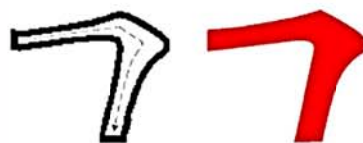
Call



名字

míngzì

Name



横折

Héng zhé

Horizontal-turn stroke

你

Nǐ

You



我

wǒ

I, me



介绍自己

Jiè shào zì jǐ

Introduce yourself



小兔乖乖

Xiǎo tù guāi

Good little bunny



7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



dú yì dú
读 一 读

wǒ jiào bǎo bao
我 叫 宝 宝 。

Tāng mu

汤 姆



Lì dá

丽 达



Jìng zǐ

静 子



Lì lì

丽 丽



7

wǒ jiào tāng mu

wǒ jiào bǎo bao 我叫 汤姆

我叫 宝宝



dú yì dú
读 一 读

wǒ jiào bǎo bao
我 叫 宝 宝 。



7

wǒ jiào Lì dá

wǒ jiào bǎo bao 我叫丽达

我叫宝宝



dú yì dú
读 一 读

wǒ jiào bǎo bao
我 叫 宝 宝 。



7

wǒ jiào jìng zǐ

wǒ jiào bǎo bao 我叫静子

我叫宝宝



dú yì dú
读 一 读

wǒ jiào bǎo bao
我 叫 宝 宝 。



7

wǒ jiào Lì lì

wǒ jiào bǎo bao 我叫丽丽

我叫宝宝



dú yì dú
读 一 读

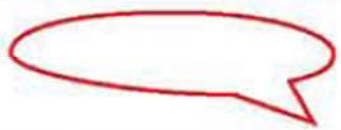
wǒ jiào bǎo bao
我 叫 宝 宝 。



7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



shuō yì shuō

说 一 说

nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ?

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。



①



②



③



④

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



shuō yi shuō
说 一 说

nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ？

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。

A:



①

B:

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ？

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。

Nǐ jiào shén me míng zì ?
A: 你 叫 什 么 名 字 ？



① wǒ jiào Lì dá
B: 我 叫 丽 达

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



shuō yì shuō
说 一 说

nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ？

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。

A:



②

B:

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ？

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。

Nǐ jiào shén me míng zì ?

A: 你 叫 什 么 名 字 ？



② wǒ jiào Lì lì

B: 我 叫 丽 丽

7

wǒ jiào bǎo bao

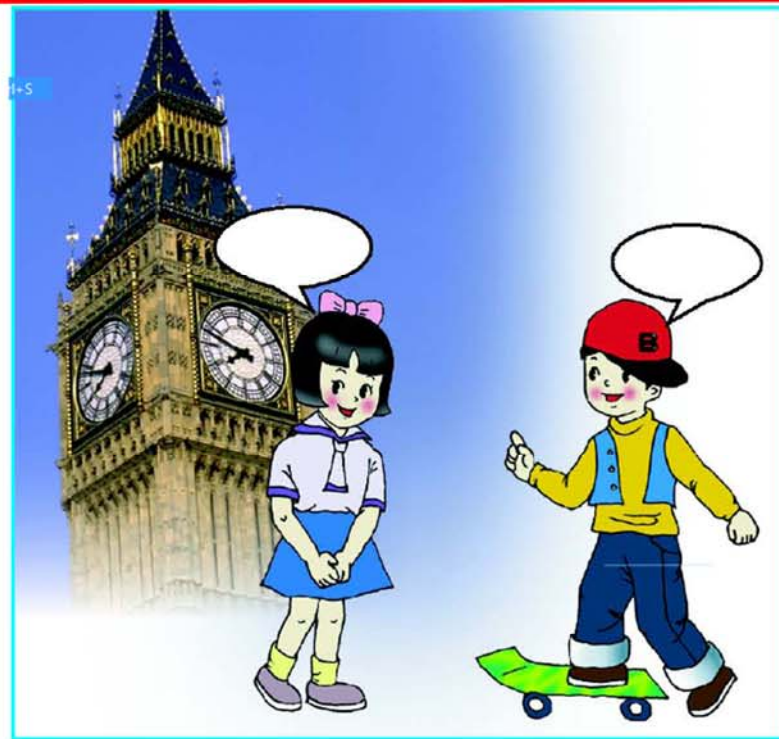
我叫宝宝

A:



nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ？

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。



3

B:

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝

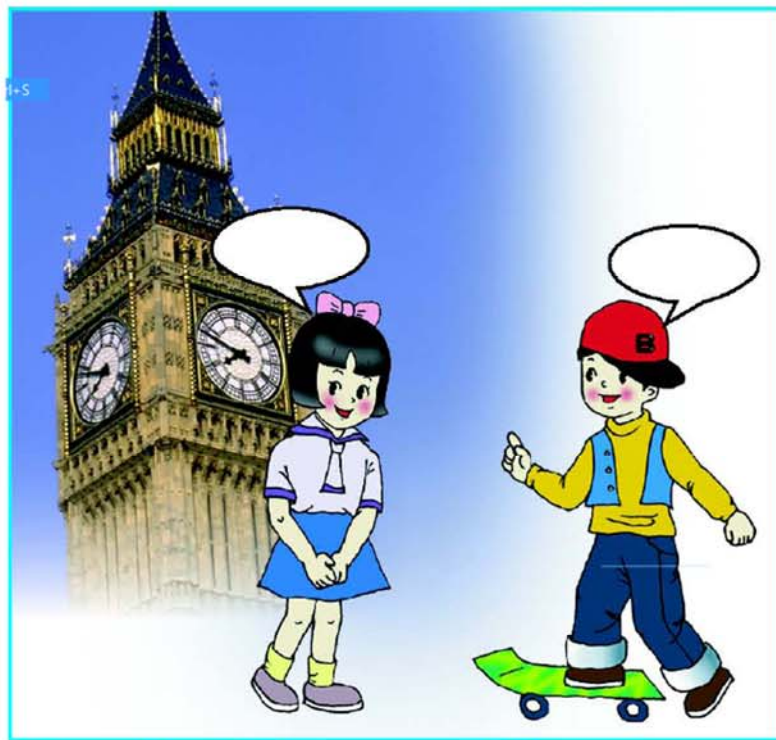


nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ?

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。

Nǐ jiào shén me míng zì ?

A: 你 叫 什 么 名 字 ?



③ wǒ jiào Jìng zǐ

B: 我 叫 静 子

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝

A:



nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ?

wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。



④

B:

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



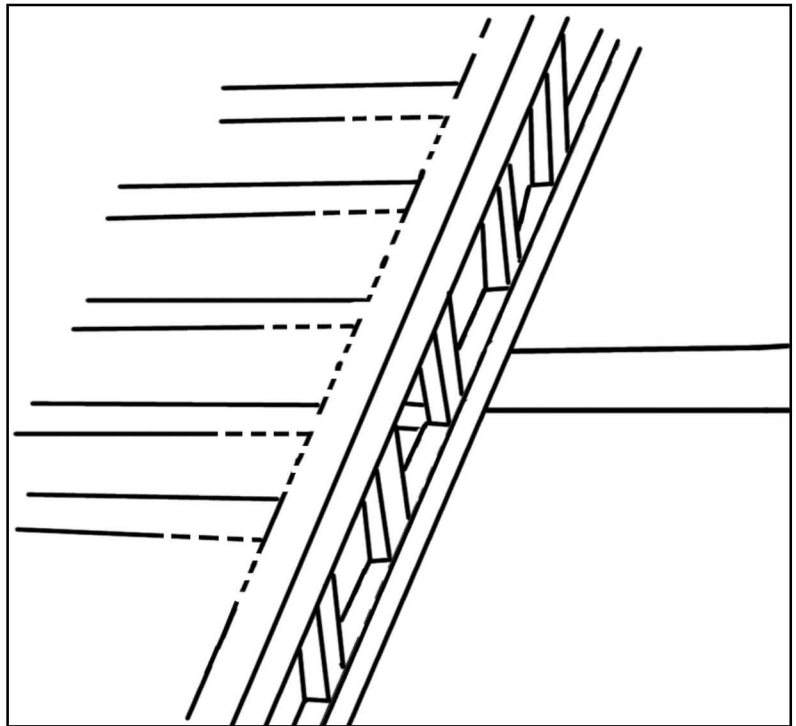
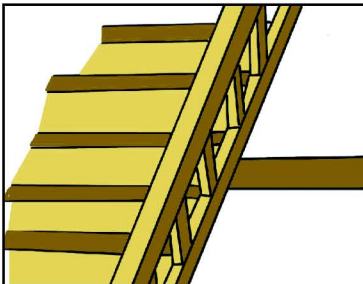
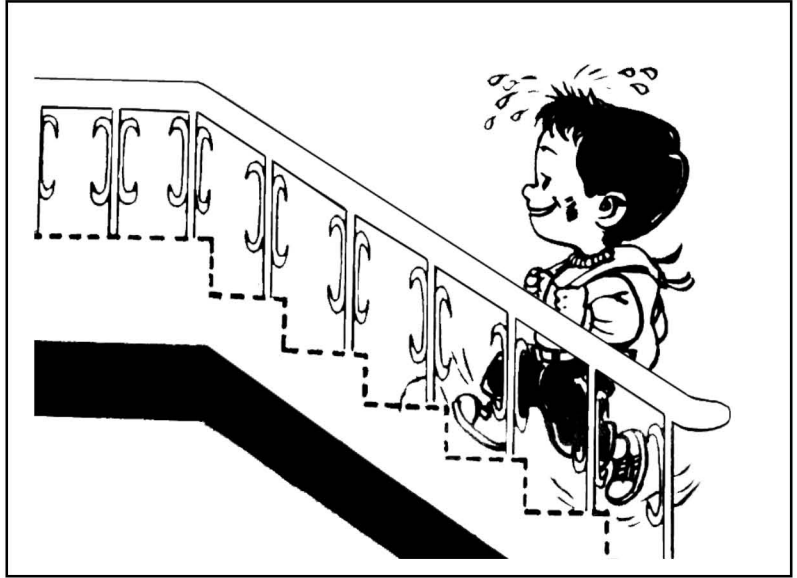
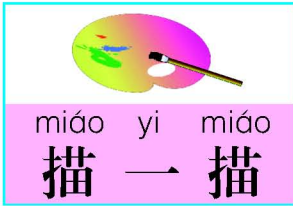
nǐ jiào shén me míng zì
A: 你 叫 什 么 名 字 ?

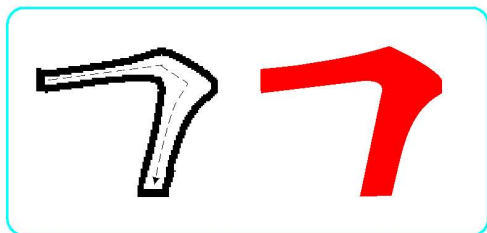
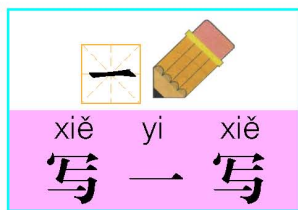
wǒ jiào bǎo bao
B: 我 叫 宝 宝 。

A: Nǐ jiào shén me míng zì ?
你 叫 什 么 名 字 ?



B: wǒ jiào Tāng mu
我 叫 汤 姆





héng zhé
横 折



7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



xiě

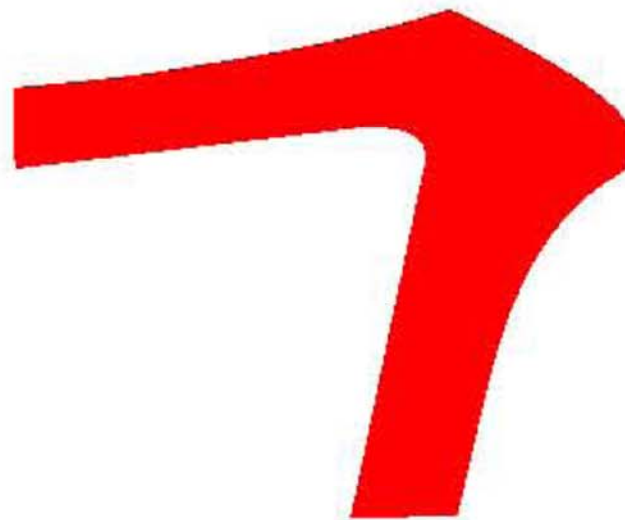
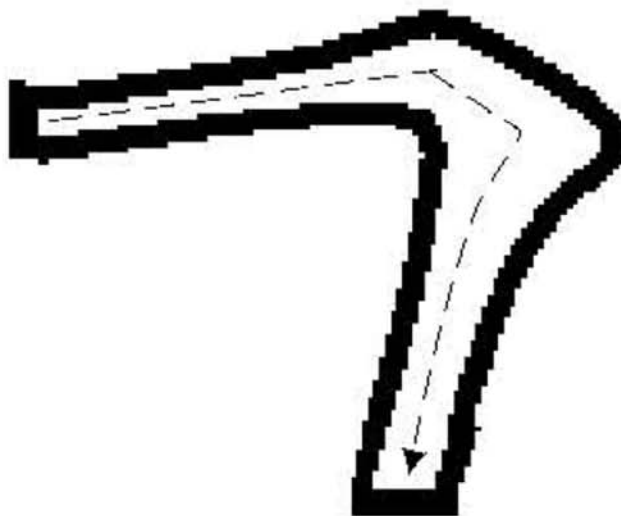
yī

xiě

写

一

写



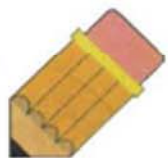
héng zhé

横 折

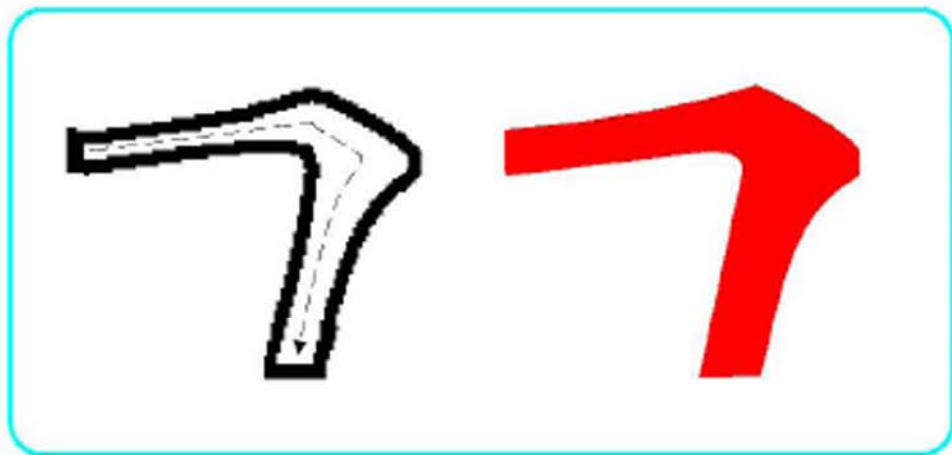
7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



xiě yī xiě
写 一 写



héng zhé

横折

贝 贝 贝 贝 贝 贝 贝

7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝



kè táng huó dòng
课堂活动

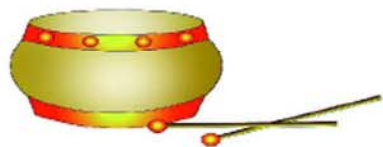
Jiè shào zì jǐ
介绍自己



7

wǒ jiào bǎo bao

我叫宝宝

kè táng huó dòng
课堂活动

xiǎo

小

tù

兔

guāi

乖

guāi

乖

1 = C 4/4

稍慢

<u>3</u> <u>5</u>	<u>1</u> <u>6</u>	5	5		<u>3</u> <u>5</u>	<u>6</u> <u>1</u>	5	5	
小	兔	儿	乖	乖,	把	门	儿	开	开,
6	<u>5</u> <u>3</u>	2	2		3	<u>5</u> <u>3</u>	<u>2</u> <u>3</u>	1	
快	点	儿	开	开,	我	要	进	来。	
6	5	6	5		3	6	5	—	
不	开	不	开,	我	不	开,			
<u>5</u> <u>5</u>	<u>3</u> <u>2</u>	1	—		<u>1</u> <u>1</u>	<u>2</u> <u>3</u>	1	—	
妈	妈	没	回	来,	谁	来	也	不	开。

小兔乖乖/Xiǎo tù guāi guāi

/Conejito bueno/Good little bunny

你/Nǐ/Tú/You

叫/jiào/llamar/Call

什么/shénme/qué/What

名字/míngzì/nombre/Name

我/wǒ/Yo/I, me



你叫什么名字?/Nǐ jiào shén me míng zì?

/¿Cuál es tu nombre?/What's your name?

我叫宝宝/Wǒ jiào bǎo bǎo

/Mi nombre es BaoBao/My name is BaoBao

横折/Héng zhé/Trazo horizontal con curva

/Horizontal-turn stroke

介绍自己/Jiè shào zìjǐ/

/Presentate/Introduce yourself



你叫什么名字?

Nǐ jiào shén me míng zì?

¿Cuál es tu nombre?



What's your name?



你叫什么名字?

Nǐ jiào shén me míng zì?

¿Cuál es tu nombre?

What's your name?



我叫宝宝

Wǒ jiào bǎo bǎo
Mi nombre es BaoBao



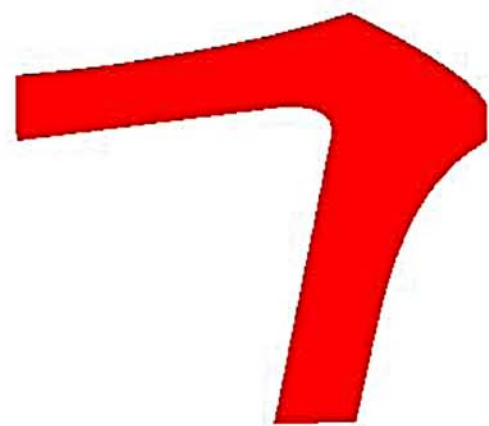
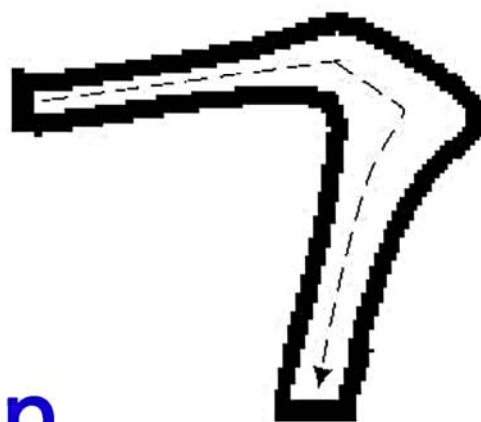
My name is BaoBao



横折

Héng zhé

Trazo horizontal con
curva



Horizontal-turn stroke

介绍自己

Jiè shào zì jǐ
Presentate

Introduce yourself



小兔乖乖

Xiǎo tù guāi
Conejito bueno

Good little bunny



你

Nǐ
Tú
You



叫

jiào
llamar
Call



什么

shénme

qué

What



名字

míngzì
nombre

Name



我

Wǒ
Yo

I, me

